

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 27-4-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Hoàng Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Chánh;

Bà Thiều Thị Phi Loan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2299/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 55/13A, Khu phố M, phường C, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

**- Bị đơn:** Ông **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 61/5, Khu phố D, phường G, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đức H kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường G, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 207 Quyển số 01/2007 ngày 07/12/2007. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã và không tôn trọng lẫn nhau. Bà và ông H sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Vợ chồng nhiều lần trao đổi tìm cách giải quyết mâu thuẫn để tiếp tục xây dựng hạnh phúc nhưng không được. Nay bà xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung cháu Nguyễn Đức Hoàng A, sinh ngày 07/4/2008 và cháu Nguyễn Hoàng Phương L, sinh ngày 25/9/2012. Hiện nay, cháu A đang sống với bà, cháu L đang sống với ông H. Ly hôn, bà xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A và đồng ý giao cháu L cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà và ông H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Đức H đã được Tòa án triệu tập để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án.*

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai phát biểu:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà T được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Hoàng A cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Hoàng Phương L cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời, bà T và ông H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh ngày 24/02/2022 do Công an phường G, thành phố B cung cấp thể hiện ông H đang cư trú tại 61/5, Khu phố D, phường G, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

##### **[2.1] Về quan hệ hôn nhân:**

Bà T và ông H kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường G, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 207 Quyển số 01/2007 ngày 07/12/2007. Căn cứ các Điều 9, 11, 12, 13 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp. Theo bà T, quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp, thường xuyên cãi vã và không tôn trọng nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2021 đến nay, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo kết quả xác minh ngày 13/01/2022 thể hiện địa phương không biết được mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H. Tuy nhiên, các đương sự đã được Tòa án triệu tập để hòa giải đoàn tụ nhưng bà T có đơn xin vắng mặt và đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, ông H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, có cơ sở chứng minh bà T đã cương quyết ly hôn; ông H bỏ mặc, không muốn nín kéo tình cảm để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình.

Từ những nhận định trên, xét thấy, bà T và ông H đã ly thân thời gian dài, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho bà T được ly hôn với ông H.

[2.2] Về con chung:

Bà T và ông H có 02 con chung cháu Nguyễn Đức Hoàng A sinh ngày 07/4/2008 và cháu Nguyễn Hoàng Phương L, sinh ngày 25/9/2012. Bà T xin được nuôi dưỡng cháu A và cháu A cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên cần thiết giao cháu A cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đối với cháu L, theo biên bản xác minh ngày 24/02/2022 thể hiện cháu L hiện đang sinh sống với ông H nên cần thiết giữ sự ổn định cho trẻ, giao cháu L cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông H không trình bày ý kiến nên tạm thời bà T và ông H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T và ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung nhưng ông H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung nhưng ông H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 11, 12, 13 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Đức H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thanh T ly hôn ông Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Hoàng A, sinh ngày 07/4/2008 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Hoàng Phương L, sinh ngày 25/9/2012 cho ông Nguyễn Đức H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Đức H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000905 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)  
Ngô Hoàng Long**